TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v ly hôn giữa chị H và anh R

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Phạm Thị Em

2. Ông Võ Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 501/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972;

Trú tại: khu phố 6, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Lê Văn R, sinh năm 1972.

Trú tại: 100, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị H có mặt, anh R vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Văn R kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo kinh tế trong gia đình lại hay nhậu say về đánh đập chị. Cũng từ nguyên nhân này mà chị đã về nhà mẹ ruột của chị sống từ

cuối năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh R không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

Về nuôi con chung: chị và anh R có 01 con chung tên Lê T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2005, con chung hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Theo lời khai tại biên bản làm việc ngày 21/9/2018 của Tòa án, bị đơn anh Lê Văn R trình bày:

Về hôn nhân: anh thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim H về thời gian anh và chị H kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như chị H trình bày là đúng. Anh thừa nhận, trong thời gian vợ chồng chung sống anh có nhậu nhưng anh không có chửi mắng hay đánh đập chị H, nếu vợ chồng có cãi nhau thì anh bỏ đi chứ không để xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2016, anh có về nhà mẹ vợ trước để làm phòng cho con riêng của anh, ở nhà chị H tự ý dọn đồ về nhà mẹ ruột ở đến hôm nay. Trong thời gian qua, anh cũng có liên lạc và đến gặp chị H cũng để thăm con chứ vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: anh và chị Huyền có 01 con chung tên Lê T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2005, con chung hiện nay đang sống với chị H; nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: chị H và anh R đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Anh R không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh R đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung, trong thời gian ly thân chị H trực tiếp nuôi con, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H; chị H không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung, chị H và anh R cùng thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Văn R là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Rồi hiện đang cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh R vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh R vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Văn R kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/9/2005 (số 40, quyển số 01/2005) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị H và anh R phát sinh mâu thuẫn; tuy anh chị khai không thống nhất về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng thực tế mâu thuẫn là có xảy ra nên cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh R không tham gia phiên hòa giải. Điều đó cho thấy, anh R không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ; anh R không đồng ý ly hôn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng anh không thể hàn gắn được nữa. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con chung: chị H và anh R có 01 con chung tên Lê T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2005. Chị H và anh R cùng yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian ly thân chị H là người trực tiếp nuôi con, tại biên bản lấy ý kiến của Tòa án thì cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản: chị H và anh R cùng khai anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Kim H ly hôn với anh Lê Văn R.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Lê T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: chị H và anh R cùng khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019106 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; chị H đã nộp đủ án phí.

Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh R vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền